TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13/5/2019
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường

Bà Thạch Thị Lan Nhung

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Phương – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: ông Mai Trường Trinh– Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST- HNGĐ ngày 02/5/2019 của Tòa án Lâm Hà giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Triệu Văn L , sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Thôn x, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hương G, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Anh L có mặt, chị G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn anh Triệu Văn L trình bày: anh L và chị G xây dựng gia đình với nhau năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 7/2012 thì chị G tự ý bỏ nhà đi không nói gì với anh trong khi con còn nhỏ cần sự chăm sóc của

mẹ. Từ đó đến nay chị G không hề về thăm con cũng không liên lạc gì với anh nên anh không còn tình cảm với chị G nữa. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc do thời gian vợ chồng xa nhau đã lâu nên anh L yêu cầu được ly hôn. Về con chung anh L xác định vợ chồng có một con chung là Triệu Quốc Đ, sinh ngày 09/7/2011. Khi ly hôn anh L có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra, anh L không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hương G trình bày: chị G và anh L kết hôn với nhau năm 2010 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị cảm thấy vợ chồng không hợp nhau nên chị đã tự bỏ nhà đi để làm kinh tế từ tháng 4/2013 âm lịch. Từ khi bỏ đi chị không liên lạc với gia đình, thực ra chị cũng muốn về thăm con nhưng anh L không cho nên chị đi luôn và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Việc anh L làm đơn xin ly hôn thì chị muốn anh L suy nghĩ lại và tạo cho chị cơ hội để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con. Về con chung chị G xác định có một cháu như anh L đã trình bày là đúng. Khi ly hôn chị G đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị G xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình nên việc hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Triệu Văn L. Về con chung: Giao con là Triệu Quốc Đ cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng nuôi con do anh L không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Hương G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không thuộc trường hợp bất khả kháng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227;

khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị G theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh L và chị G xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 20/12/2010. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên anh L làm đơn khởi kiện ly hôn. Xét thấy, vợ chồng anh L và chị G phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không chia sẻ với nhau trong cuộc sống, không thật sự tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm nên sau một thời gian ngắn chung sống chị G đã tự bỏ đi, cắt đứt mọi liên lạc với anh L còn anh L cũng không cố gắng tìm hiểu nguyên nhân vợ bỏ đi để có biện pháp nhằm cải thiện quan hệ hôn nhân. Vì vậy từ tháng 4/2012 đến nay hai vợ chồng sống ly thân không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Việc chị G không đồng ý ly hôn thực ra cũng chỉ vì ràng buộc bởi con chung và do điều kiện kinh tế của chị G hiện nay đang gặp khó khăn. Điều này được thể hiện qua quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, cụ thể tại bản tự khai ngày 07/3/2019, chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của anh L, tuy nhiên tại phiên hòa giải ngày 26/3/2019 thì chị G lại thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn. Đến ngày 08/4/2019 Tòa án tiếp tục triệu tập để hòa giải thì chị G lại vắng mặt nhưng chị G có nhờ người gởi cho anh L đơn yêu cầu giải quyết đơn phương để anh L nộp cho Tòa án. Đơn có nội dung " …Tôi viết đơn này kính mong Tòa án xem xét giải quyết đơn phương của tôi với anh Triệu Văn L. Tôi không đòi hỏi gì chỉ là tôi có chút vấn đề về sức khỏe có một yêu cầu nhỏ là anh L phải cho tôi một số tiền là 5.000.000đồng, mong Tòa án xem xét dùm tôi..". Như vậy việc chị G không đồng ý ly hôn không phải vì lý do chị G còn tình cảm với anh L và muốn có cơ hội để cải thiện quan hệ hôn nhân.Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh L, xử cho anh Triệu Văn L và chị Nguyễn Thị Hương G được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: anh L và chị G có một con chung là Triệu Quốc Đ, sinh ngày 09/7/2011. Khi ly hôn cả chị G và anh L đều yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, điều kiện của chị G hiện nay khó khăn chưa có chỗ ở và việc làm ổn định nên việc chăm sóc cháu Đ sẽ gặp khó khăn, hơn nữa kể từ khi chị G bỏ nhà đi từ năm 2013 đến nay thì cháu Đ vẫn sống cùng anh L ổn định. Mặt khác cháu Đ đến nay đã tám tuổi và có nguyện vọng được sống cùng với bố. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện học tập và sinh hoạt ổn định cho cháu Đ, căn cứ khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình, giao con cho anh L có trách nhiệm trực tiếp nuôi

dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con do anh L không yêu cầu nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* anh L và chị G đều xác định không có tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết về phần tài sản chung và nợ chung trong vụ án này. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, nợ chung và có yêu cầu khởi kiện thì sẽ xem xét bằng một vụ kiện dân sự khác. Riêng đối với yêu cầu của chị G về việc đề nghị anh L cho chị số tiền là 5.000.000đồng, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị G yêu cầu nhưng trước đó không có đơn trình bày cụ thể và không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Mặt khác, khi Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa thì chị G lại không có mặt nên Tòa án không làm rõ được yêu cầu cụ thể của chị G, đồng thời tại phiên tòa anh L không đồng ý theo yêu cầu của chị G nên không đặt ra để xem xét.

[5] Về án phí: Buộc anh Triệu Văn L phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Triệu Văn L, xử cho anh Triệu Văn L và chị Nguyễn Thị Hương G được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con là Triệu Quốc Đ, sinh ngày 09/7/2011 cho anh Triệu Văn L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Anh Triệu Văn L phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Triệu Văn L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001026 ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, anh Triệu Văn L đã nộp đủ án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Báo cho anh Triệu Văn L biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/5/2019). Riêng chị Nguyễn Thị Hương G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng.
- VKSND huyện Lâm Hà.
- THADS huyện Lâm Hà.
- UBND xã T.
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thúy